

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Trụ sở chính: Số 81 Đường Lê Đại, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400476650 do Sở KH-ĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2004 và đã được đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/06/2022

Tel: 0988715599 - Email: thuydienandiem2@gmail.com Website: www.songvang.info.vn

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2024 được tổ chức cụ thể như sau:

- Thời gian:** 08h00 ngày 27 tháng 04 năm 2024.
- Địa điểm:** Văn phòng Nhà máy thủy điện An Đầm II (trực thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng) – Tại Xã Ba huyện Đông Giang và xã Đại Hưng huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.
- Nội dung:** Theo nội dung, chương trình Đại hội kèm theo.
- Tài liệu phục vụ Đại hội:** Đăng tải toàn bộ trên Website: www.songvang.info.vn
- Đối tượng tham dự:** Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (hoặc người được ủy quyền tham dự hợp lệ).

Trường hợp Quý cổ đông không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng hoặc người khác tham dự theo mẫu quy định (mẫu giấy ủy quyền gửi kèm thư mời họp).

6. Đăng ký tham dự Đại hội:

Để việc tổ chức Đại hội được thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý Cổ đông xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội qua thư tín, fax, điện thoại hoặc email trước 17 giờ ngày 22/04/2024 theo địa chỉ sau:

- CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG
- Số 81 Đường Lê Đại, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- Di động/Zalo: 0973900707- Ông: Phạm Văn Long - Email: longsongvang@gmail.com.

Khi đến tham dự Đại hội, kính đề nghị Quý cổ đông/người được ủy quyền phải xuất trình các giấy tờ sau: **Thư mời, thẻ căn cước công dân/giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu (bản chính), giấy ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền tham dự đại hội) và bản giao bản sao giấy CMND/CCCD của người ủy quyền để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.**

Rất mong sự hiện diện của Quý Cổ đông để Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 04 năm 2024

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Thái Hưng

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thời gian: 08h00 ngày 27/04/2023

Địa điểm tổ chức: Văn phòng Nhà máy thủy điện An Điền II (trực thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng) – Tại Xã Ba huyện Đông Giang và xã Đại Hưng huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

| THỜI GIAN | NỘI DUNG |
|---------------|---|
| 8h00 - 8h30 | - Đăng ký cổ đông, phát tài liệu |
| 8h30 - 8h35 | - Khai mạc, giới thiệu Đại biểu |
| 8h35 - 8h40 | - Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông và công bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành. |
| 8h40 - 8h45 | - Đại hội thông qua Ban Chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu |
| 8h45 - 8h50 | - Thông qua Nội dung, chương trình và Quy chế tổ chức Đại hội |
| 8h50 - 9h10 | - Báo cáo của HĐQT về Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động SXKD năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 |
| 9h10 - 9h30 | - Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty. |
| 9h30 - 9h50 | - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của BKS |
| 9h50 - 10h10 | - Báo cáo chi trả thù lao và tiền lương cho HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2023 và phương án chi trả thù lao và tiền lương năm 2024 của HĐQT; |
| 10h10-10h30 | - Tờ trình số 01/2024/TTr-HĐQT ngày 04/04/2024 của HĐQT về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 sau kiểm toán. |
| 10h30 - 10h50 | - Tờ trình số 01/2024/TTr-BKS ngày 03/04/2024 của Ban kiểm soát về việc Thông qua Lựa chọn đơn vị soát xét BCT C 06 tháng đầu năm 2024 và Kiểm toán tài chính năm 2024. |
| 10h50 - 11h30 | - Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình. |
| 11h30 - 11h40 | -Thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội |
| 11h40 - 11h50 | - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội |
| 11h50 | - Bế mạc Đại hội |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động SXKD 2023
và phương hướng hoạt động SXKD năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Căn cứ tình hình thực tế SXKD năm 2023 của CTCP Thủy điện Sông Vàng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng xin báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 về công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động SXKD năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 như sau:

1. Đánh giá tình hình SXKD năm 2023 của Công ty CP thủy điện Sông Vàng:

- Sản lượng điện: 50,270 triệu KWh đạt 94,45%, doanh thu: 56,329 tỷ đồng đạt 97,35% kế hoạch năm 2023.
- Nộp ngân sách: 15,599 tỷ đồng (trong đó thuế GTGT: 5,702 tỷ đồng; thuế tài nguyên: 4,837 tỷ đồng, thuế TNDN : 2,007 tỷ đồng, thuế MTR: 1,810 tỷ đồng, Tiền cấp quyền khai thác TNN năm 2023 : 1,026 tỷ đồng, Tiền thuê đất : 0,217 tỷ đồng).

* **Đánh giá kết quả SXKD năm 2023 so với Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua như sau:**

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1. Sản lượng (kWh) | 53.221.668 | 50.269.523 | 94,45 |
| 2. Doanh thu bán điện | 57.862.568.447 | 56.328.580.772 | 97,35 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 18.791.345.716 | 19.202.740.290 | 102,19 |
| <i>Trong đó: Khấu hao TSCĐ</i> | <i>11.350.529.276</i> | <i>11.474.529.276</i> | <i>101,10</i> |
| 4. Lợi nhuận gộp | 39.071.222.731 | 37.125.840.482 | 95,02 |
| 5. Doanh thu hoạt động TC | | 779.790.371 | |
| 6. Chi phí tài chính | 9.854.362.863 | 8.907.025.778 | 90,39 |
| <i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i> | <i>9.854.362.863</i> | <i>8.906.846.294</i> | <i>90,38</i> |

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------------|-------------------|--------------------|-----------|
| 7. Thu nhập khác | | 5.286.451.518 | |
| 8. Chi phí khác | | 1.497.943.481 | |
| 9. Chi phí quản lý DN | 3.397.614.838 | 1.118.203.792 | 32,91 |
| 10. Lợi nhuận trước thuế | 25.819.245.030 | 31.668.909.320 | 122,66 |
| 11. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.290.962.252 | 2.007.331.041 | 155,49 |
| 12. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 24.528.282.778 | 29.661.578.279 | 120,93 |

2. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT năm 2023 như sau:

- HĐQT thường xuyên cập nhật các báo cáo hoạt động SXKD, báo cáo tài chính năm 2023 sau kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính bán niên 2023, kế hoạch SXKD năm 2023 của công ty.
- HĐQT thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, đánh giá chung đã hoàn thành các yêu cầu đề ra.
- Trong năm 2023 HĐQT đã họp và ra một số nghị quyết và quyết định như sau:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|---|-----------------|
| 01 | 01/2023/NQ-HĐQT | 09/03/2023 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng của cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ TN 2023. Thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023 Thông qua địa điểm và nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. | 100% |
| 02 | 02/2023/NQ-HĐQT | 29/06/2023 | Thông qua kết quả SXKD quý 2.2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 3.2023. | 100% |
| 03 | 03/2023/NQ-HĐQT | 02/10/2023 | Họp bàn về tiến độ thi công dự án An Điền II mở rộng và Thông qua kết quả SXKD quý 3.2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 4.2023. | 100% |
| 04 | 04/2023/NQ-HĐQT | 30/12/2023 | Thông qua kết quả SXKD quý 4.2023 và Tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023. Đề ra phương hướng và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024. | 100% |

3. Báo cáo về thực hiện chi trả thù lao và tiền lương năm 2023:

- Năm 2023, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương cho Tổng giám đốc Công ty và thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT làm việc kiêm nhiệm theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Tiền lương năm 2023 (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|-----------------|----------------------------|--------------------------|
| A | Tiền lương của Tổng giám đốc | | | |
| 1 | Ứng Văn Phúc | Tổng giám đốc | 441.337.045 | Hưởng lương chuyên trách |
| | Cộng A | | 441.337.045 | |
| B | Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS và thư ký HĐQT | | | |
| 1 | Lê Thái Hưng | Chủ tịch HĐQT | 72.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 2 | Ứng Văn Phúc | Thành viên HĐQT | 48.000.000 | Kiểm Tổng giám đốc |
| 3 | Lưu Quang Việt | Thành viên HĐQT | 48.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 4 | Nguyễn Mai Lan | Thành viên BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 5 | Lương Thị Ngọc Quỳnh | Trưởng ban KS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 6 | Hồ Ngọc Tuấn | Thành viên BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 7 | Phạm Văn Long | Thư ký HĐQT | 18.000.000 | Kiểm nhiệm |
| | Cộng B | | 258.000.000 | |
| | Tổng cộng (A + B) | | 699.337.045 | |

(Bảng chữ: Sáu trăm chín chín triệu, ba trăm ba bảy ngàn, không trăm bốn lăm đồng).

4. Phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2023:

HĐQT tiếp tục nghiên cứu định hướng phát triển Công ty theo nguyên tắc cân trọng, hiệu quả với một số chỉ tiêu như sau:

- HĐQT tiếp tục theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tái cấu trúc tài chính Công ty, trong đó tập trung vào việc cơ cấu nợ vay, giảm lãi xuất cho vay, trích một phần nguồn thu từ bán điện để trả nợ cho các Nhà thầu thi công. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về chế độ lao động, tiền lương đảm bảo lợi ích của người lao động.
- Chỉ đạo Ban điều hành đẩy nhanh tiến độ cải tạo và nâng cấp dự án Nhà máy Thủy điện An Điền II mở rộng.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện việc nạo vét lòng hồ để tăng dung tích hồ chứa nước cho Nhà máy, xây dựng biện pháp thi công tối ưu nhằm bảo vệ môi trường và tài nguyên.
- Tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hành tiết kiệm chống lãng phí, kiểm soát và giảm thiểu các chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo Công ty duy trì việc áp dụng tốt các quy trình vận hành nhà máy, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường công nghiệp và xung quanh nhà máy.

5. Một số kiến nghị:

HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 xem xét thông qua một số vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng;

- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát;
- Thông qua Báo cáo chi trả thù lao và tiền lương cho HĐQT&BKS và thư ký HĐQT năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Báo cáo Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động SXKD 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-HĐQT ngày 03/04/2024 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 sau kiểm toán;
- Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-BKS ngày 03/04/2024 của Ban kiểm soát về việc Lựa chọn đơn vị soát xét BCT C 06 tháng đầu năm 2024 và Kiểm toán tài chính năm 2024.

Trân trọng báo cáo!

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thái Hưng



BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

Kính gửi: - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG;
- HĐQT - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2024 cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023:

1. Tình hình SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng:

- Sản lượng điện: 50,270 triệu KWh đạt 94,45%, doanh thu: 56,329 tỷ đồng đạt 97,35% kế hoạch năm 2023. (Chi tiết như phụ lục 01 đính kèm).

- Nộp ngân sách: 15,599 tỷ đồng (trong đó thuế GTGT: 5,702 tỷ đồng; thuế tài nguyên: 4,837 tỷ đồng, thuế TNDN : 2,007 tỷ đồng, thuế MTR: 1,810 tỷ đồng, Tiền cấp quyền khai thác TNN năm 2023 : 1,026 tỷ đồng, Tiền thuê đất : 0,217 tỷ đồng).

* **Đánh giá kết quả SXKD năm 2023 so với Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua như sau:**

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1. Sản lượng (kWh) | 53.221.668 | 50.269.523 | 94,45 |
| 2. Doanh thu bán điện | 57.862.568.447 | 56.328.580.772 | 97,35 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 18.791.345.716 | 19.202.740.290 | 102,19 |
| <i>Trong đó: Khấu hao TSCĐ</i> | <i>11.350.529.276</i> | <i>11.474.529.276</i> | <i>101,10</i> |
| 4. Lợi nhuận gộp | 39.071.222.731 | 37.125.840.482 | 95,02 |
| 5. Doanh thu hoạt động TC | | 779.790.371 | |
| 6. Chi phí tài chính | 9.854.362.863 | 8.907.025.778 | 90,39 |
| <i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i> | <i>9.854.362.863</i> | <i>8.906.846.294</i> | <i>90,38</i> |
| 7. Thu nhập khác | | 5.286.451.518 | |
| 8. Chi phí khác | | 1.497.943.481 | |
| 9. Chi phí quản lý DN | 3.397.614.838 | 1.118.203.792 | 32,91 |

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------------|-------------------|--------------------|-----------|
| 10. Lợi nhuận trước thuế | 25.819.245.030 | 31.668.909.320 | 122,66 |
| 11. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.290.962.252 | 2.007.331.041 | 155,49 |
| 12. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 24.528.282.778 | 29.661.578.279 | 120,93 |

(Chi tiết xem Phụ lục 01 đính kèm).

2. Công tác Tài chính – Kế toán:

a. Tình hình vay, trả nợ vay ngân hàng:

| STT | Tên ngân hàng | ĐVT | Dư nợ ngày 01/01/2023 | PS Tăng | PS Giảm | Dư nợ ngày 31/12/2023 |
|-----|-----------------------|---------|-----------------------|---------------|---------------|-----------------------|
| 1 | Ngân hàng OCB Nghệ An | Tỷ đồng | 120,873 | 42,666 | 12,218 | 151,321 |
| 2 | Trần Thu Hương | Tỷ đồng | 23,910 | 1,674 | | 25,584 |
| | Tổng cộng | | 144,783 | 44,340 | 12,218 | 176,905 |

b. Tình hình vốn thanh toán cho các Nhà thầu:

Sau khi quyết toán với các Nhà thầu thì số nợ mà Công ty phải thanh toán là: 18.977.473.908 đồng. Đây là khoản nợ chủ yếu phải trả cho các Nhà thầu thi công xây dựng.

2. Công tác quản lý Công ty:

a. Về lao động.

* Khối văn phòng Công ty có 03 CBCNV (gồm 01 giám đốc, 01 kế toán và 01 lái xe kiêm nhân viên Hành chính – Tổ chức).

* Nhà máy được bố trí 33 người. Gồm: 01 Giám đốc nhà máy (do phó giám đốc Công ty kiêm nhiệm); 01 Phó giám đốc nhà máy. Kỹ thuật và sửa chữa: 04 người; Vận hành tại Đập: 04 người; Vận hành nhà máy: 12 người; cấp dưỡng: 01 người; Nhân viên tuyển dụng mới: 10 người (Nhân viên vận hành nhà máy mới).

b. Về thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và cơ quan bảo hiểm:

Tổng số lao động được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đến ngày 31/12/2023 là: 36 người /36 người.

Tổng số tiền nợ ngân sách và bảo hiểm đến 31/12/2023:

- Nợ ngân sách NN: 3,646 tỷ đồng
- Nợ Bảo hiểm xã hội: 3,011 triệu đồng.
- Nợ bảo hiểm y tế: 0 triệu đồng.
- Nợ BHTN: 0 triệu đồng.

3. Tiến độ dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện An Điền II (phần mở rộng):

Thủ tục pháp lý:

Đã lập Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án Thủy điện An Điền II mở rộng tháng 4 năm 2019 và được Bộ Công thương phê duyệt bổ sung quy hoạch tại Quyết định số 498/QĐ-BCT ngày 14 tháng 02 năm 2020.

Đã lập và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Quyết định Số: 2375 /QĐ-BTNMT ngày 03/12/2021 Về việc “Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy thủy điện An Điền II (Điều chỉnh quy mô công suất lên 29,6MW)”

Đã hoàn thành công tác khảo sát thiết kế công trình.

Tiến độ thi công phần xây dựng và lắp đặt thiết bị:

- Đã thi công phần đất đá của dự án đạt 106.500 m³ đạt 95% khối lượng.
- Đã thi công đào hầm dẫn dòng đạt 4070m đạt 100% khối lượng.
- Đã thi công bê tông nhà máy 2.290m³ / 2.480 m³ đạt 92% khối lượng.
- Đã chế tạo và nhập khẩu 96% khối lượng thiết bị.
- Đã lắp đặt 85% thiết bị Nhà máy.
- Tiến độ phát điện: tháng 11/2024.

4. Thực hiện việc trung tu theo định kỳ Nhà máy Thủy điện An Điền II:

- Nhà máy thủy điện An Điền II đã thực hiện việc thí nghiệm định kỳ vào tháng 07/2022. Việc thực hiện trung tu phần cơ khí Nhà máy đang được lên kế hoạch thực hiện, việc trung tu sẽ được thực hiện luân phiên từng tổ máy và làm vào mùa khô nhằm không làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh.
- Hiện nay lòng hồ thủy điện An Điền II đã bị bồi lắng rất nhiều, để tăng dung tích hồ chứa, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ban điều hành kính trình Hội đồng quản trị xem xét cho khảo sát đánh giá và triển khai nạo vét lòng hồ.

II. Kế hoạch thực hiện SXKD năm 2024:

Trên cơ sở thực hiện các năm trước, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2024 như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện SXKD năm 2023 | Kế hoạch SXKD năm 2024 | Tỷ lệ (%) |
|---------------------------------|------|-------------------------|------------------------|-----------|
| 1. Sản lượng phát lên lưới | kWh | 50.269.523 | 52.994.580 | 105,42 |
| 2. Doanh thu bán điện | đồng | 56.328.580.772 | 57.744.569.395 | 102,51 |
| 3. Giá vốn hàng bán | đồng | 19.202.740.290 | 19.202.740.290 | 100,00 |
| <i>Trong đó : Khấu hao TSCĐ</i> | đồng | <i>11.474.529.276</i> | <i>11.474.529.276</i> | 100,00 |
| 4. Lợi nhuận gộp | đồng | 37.125.840.482 | 38.541.829.105 | 103,81 |
| 5. Doanh thu hoạt động TC | đồng | 779.790.371 | | |
| 6. Chi phí tài chính | đồng | 8.907.025.778 | 8.907.025.778 | 100,00 |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện SXKD năm 2023 | Kế hoạch SXKD năm 2024 | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------|------|-------------------------|------------------------|-----------|
| <i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i> | đồng | 8.906.846.294 | 8.907.025.778 | 100,00 |
| 7. Thu nhập khác | đồng | 5.286.451.518 | | |
| 8. Chi phí khác | đồng | 1.497.943.481 | | |
| 8. Chi phí quản lý DN | đồng | 1.118.203.792 | 2.368.350.690 | 211,80 |
| 9. Lợi nhuận trước thuế | đồng | 31.668.909.320 | 27.266.452.637 | 86,10 |
| 10. Thuế TNDN | đồng | 2.007.331.041 | 1.363.322.632 | 67,92 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế TNDN | đồng | 29.661.578.279 | 25.903.130.005 | 87,33 |

(Chi tiết xem Phụ lục 02 đính kèm).

- Trong năm 2024, Công ty sẽ tập trung toàn bộ nguồn nước để ưu tiên phát điện, đặc biệt phát điện tối đa công suất vào giờ cao điểm, sắp xếp thời gian hợp lý để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa các tổ máy trên nguyên tắc ưu tiên chạy máy phát điện khi có nước về hồ;

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng về Tình hình thực hiện SXKD năm 2023 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2024 của Nhà máy Thủy điện An Diêm II, tỉnh Quảng Nam.

Trân trọng báo cáo!

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Văn Phúc

Phụ lục số : 01

THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN AN ĐIỂM II

ĐVT : đồng

| TT | Nội dung | ĐVT | Kế hoạch SXKD năm 2023 | Thực hiện SXKD năm 2023 | Ghi chú |
|-----|---|------|------------------------|-------------------------|---------|
| I | Sản lượng điện | kWh | 53,221,668 | 50,269,523 | |
| II | Doanh thu bán điện | Đồng | 57,862,568,447 | 56,328,580,772 | |
| 1 | <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i> | Đồng | | 779,790,371 | |
| III | Tổng chi phí | Đồng | 32,043,323,417 | 25,439,461,823 | |
| 1 | <i>Chi phí QLDN</i> | Đồng | 3,397,614,838 | 1,118,203,792 | |
| + | Tiền lương | Đồng | 798,615,566 | 965,020,906 | |
| + | Phụ cấp HĐQT, BKS | Đồng | 258,000,000 | 258,000,000 | |
| + | BHXH, YT, TN, KPCĐ | Đồng | 100,318,240 | 91,849,731 | |
| + | Chi phí quản lý (CP bằng tiền) | Đồng | 2,240,681,032 | 1,053,480,053 | |
| + | Điều chỉnh giảm phí LC Upas năm 2022 | Đồng | | -1,250,146,898 | |
| 2 | <i>Chi phí nhân công trực tiếp</i> | Đồng | 3,961,349,719 | 5,069,564,851 | |
| + | Tiền lương | Đồng | 3,448,455,150 | 4,449,617,429 | |
| + | BHXH, YT, TN, KPCĐ | Đồng | 512,894,569 | 619,947,422 | |
| 3 | <i>Chi phí sản xuất chung</i> | Đồng | 3,479,466,721 | 2,658,646,163 | |
| 4 | <i>Chi phí khấu hao</i> | Đồng | 11,350,529,276 | 11,474,529,276 | |
| 5 | <i>Chi phí khác (Tiền chậm nộp thuế , tiền cấp quyền khai thác TNN)</i> | Đồng | | 1,497,943,481 | |
| 6 | <i>Thu nhập khác</i> | Đồng | | 5,286,451,518 | |
| 7 | <i>Chi phí lãi vay</i> | Đồng | 9,854,362,863 | 8,907,025,778 | |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 25,819,245,030 | 31,668,909,320 | |
| V | Thuế TNDN hiện hành | Đồng | 1,290,962,252 | 2,007,331,041 | |
| VI | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 24,528,282,778 | 29,661,578,279 | |

THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN AN ĐIỂM II

ĐVT : đồng

| TT | Nội dung | ĐVT | Thực hiện SXKD năm 2023 | KH SXKD năm 2024 | Ghi chú |
|-----|---|------|-------------------------|------------------|---------|
| I | Sản lượng điện | kWh | 50,269,523 | 52,994,580 | |
| II | Doanh thu bán điện | Đồng | 56,328,580,772 | 57,744,569,395 | |
| 1 | <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i> | Đồng | 779,790,371 | | |
| III | Tổng chi phí | Đồng | 25,439,461,823 | 30,478,116,758 | |
| 1 | <i>Chi phí QLDN</i> | Đồng | 1,118,203,792 | 2,368,350,690 | |
| + | Tiền lương | Đồng | 965,020,906 | 965,020,906 | |
| + | Phụ cấp HDQT, BKS | Đồng | 258,000,000 | 258,000,000 | |
| + | BHXH, YT, TN, KPCĐ | Đồng | 91,849,731 | 91,849,731 | |
| + | Chi phí quản lý (CP bằng tiền) | Đồng | 1,053,480,053 | 1,053,480,053 | |
| + | Điều chỉnh giảm phí LC Upas năm 2022 | Đồng | -1,250,146,898 | | |
| 2 | <i>Chi phí nhân công trực tiếp</i> | Đồng | 5,069,564,851 | 5,069,564,851 | |
| + | Tiền lương | Đồng | 4,449,617,429 | 4,449,617,429 | |
| + | BHXH, YT, TN, KPCĐ | Đồng | 619,947,422 | 619,947,422 | |
| 3 | <i>Chi phí sản xuất chung</i> | Đồng | 2,658,646,163 | 2,658,646,163 | |
| 4 | <i>Chi phí khấu hao</i> | Đồng | 11,474,529,276 | 11,474,529,276 | |
| 5 | <i>Chi phí khác (Tiền chậm nộp thuế, tiền điện)</i> | Đồng | 1,497,943,481 | | |
| 6 | <i>Thu nhập khác (Tiền điện thi công)</i> | Đồng | 5,286,451,518 | | |
| 7 | <i>Chi phí lãi vay</i> | Đồng | 8,907,025,778 | 8,907,025,778 | |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 31,668,909,320 | 27,266,452,637 | |
| V | Thuế TNDN hiện hành | Đồng | 2,007,331,041 | 1,363,322,632 | |
| VI | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 29,661,578,279 | 25,903,130,005 | |

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;
- Căn cứ vào quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP thủy điện Sông Vàng.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Vàng năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

A. Hoạt động và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2023:

1. Hoạt động của ban kiểm soát:

Căn cứ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định trong điều lệ Công ty, Quy chế Ban kiểm soát và chương trình công tác đã được thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ Công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành một số công tác chính sau đây:

- Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các qui định, quy chế của Công ty.
- Giám sát kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán của Công ty.
- Xem xét các Báo cáo tài chính quý, 06 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.
- Tham gia các buổi họp Hội đồng quản trị Công ty, có ý kiến về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2023:

- Ngày 09/03/2023: Họp Ban kiểm soát về chương trình công tác năm 2023.
- Ngày 26/03/2023: Họp Ban kiểm soát về Thông qua kết quả SXKD quý 2.2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 3.2023.
- Ngày 02/10/2023: Họp cùng HĐQT bàn về tiến độ thi công dự án An Điền II mở rộng và Thông qua kết quả SXKD quý 3.2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý 4.2023.
- Ngày 30/12/2023: Họp Ban kiểm soát về tổng kết kết quả hoạt động của Công ty năm 2023 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

3. Tiền lương và thù lao Ban kiểm soát năm 2023:

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Tiền lương năm 2023 (đồng) | Ghi chú |
|----|-----------------------------------|---------|----------------------------|---------|
| | Thù lao của Ban kiểm soát Công ty | | | |

| | | | | |
|--|----------------------|----------------|-------------------|------------------|
| 1 | Lương Thị Ngọc Quỳnh | Trưởng BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 2 | Hồ Ngọc Tuấn | Thành viên BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 3 | Nguyễn Mai Lan | Thành viên BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| | Tổng cộng | | 72.000.000 | |
| <i>Bảng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng chẵn.</i> | | | | |

B. Đánh giá về hoạt động Công ty trong năm 2023:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính:
- Qua xem xét báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán. Ban kiểm soát cơ bản thống nhất số liệu tài chính như sau:

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ (%) |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1. Sản lượng (kWh) | 53.221.668 | 50.269.523 | 94,45 |
| 2. Doanh thu bán điện | 57.862.568.447 | 56.328.580.772 | 97,35 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 18.791.345.716 | 19.202.740.290 | 102,19 |
| <i>Trong đó: Khấu hao TSCĐ</i> | <i>11.350.529.276</i> | <i>11.474.529.276</i> | <i>101,10</i> |
| 4. Lợi nhuận gộp | 39.071.222.731 | 37.125.840.482 | 95,02 |
| 5. Doanh thu hoạt động TC | | 779.790.371 | |
| 6. Chi phí tài chính | 9.854.362.863 | 8.907.025.778 | 90,39 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | <i>9.854.362.863</i> | <i>8.906.846.294</i> | <i>90,38</i> |
| 7. Thu nhập khác | | 5.286.451.518 | |
| 8. Chi phí khác | | 1.497.943.481 | |
| 9. Chi phí quản lý DN | 3.397.614.838 | 1.118.203.792 | 32,91 |
| 10. Lợi nhuận trước thuế | 25.819.245.030 | 31.668.909.320 | 122,66 |
| 11. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.290.962.252 | 2.007.331.041 | 155,49 |
| 12. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 24.528.282.778 | 29.661.578.279 | 120,93 |

C. Đánh giá Công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban điều hành:

- Công tác quản lý của Hội đồng quản trị:
 - Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung Nghị quyết của ĐHCĐ, đúng thẩm quyền theo điều lệ Công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý;

HĐQT định hướng hoạt động SXKD của Công ty thông qua ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT tại các cuộc họp giao ban của Công ty.

- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban điều hành đối với nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định của Công ty.
 - **Công tác điều hành của Ban điều hành:**
- Ban điều hành đã thực hiện công tác điều hành đúng thẩm quyền, tuân thủ quy chế điều hành, tuân thủ các quy định về phân cấp.
- Hoạt động điều hành của Ban điều hành luôn bám sát các mục tiêu, kế hoạch đã được phê duyệt, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.
 - **Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành**
- Ban kiểm soát được tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT nên về cơ bản đã nắm bắt kịp thời và đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động, SXKD của Công ty.

D. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024:

- Tiếp tục theo dõi, kiểm soát công tác quản lý, vận hành sản xuất kinh doanh điện của Công ty trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Kiểm soát hoạt động của HĐQT Công ty, tham gia vào các cuộc họp HĐQT và trực tiếp xem xét, thẩm định và có ý kiến đối với một số vấn đề cụ thể theo yêu cầu của các Cổ đông hoặc HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT theo thư mời.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quý, 06 tháng và năm.

E. Một số kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả công tác của Ban kiểm soát trong năm 2023, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua báo cáo của Ban kiểm soát trong năm 2023 và kế hoạch năm 2024 và xin tiếp thu ý kiến tham gia của quý vị cổ đông.

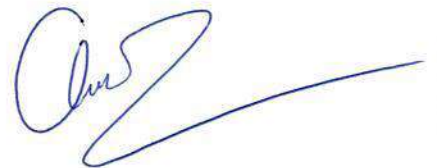
Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm của quý vị cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban điều hành Công ty giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu BKS.



Lương Thị Ngọc Quỳnh

BÁO CÁO

(V/v: Chi trả thù lao và tiền lương cho HDQT, Ban kiểm soát và thư ký HDQT)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 28/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 việc chi trả thù lao và tiền lương cho các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và thư ký HDQT như sau:

1. Báo cáo về thực hiện chi trả thù lao và tiền lương năm 2023:

Năm 2023, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương cho Tổng giám đốc Công ty và thù lao của thành viên HDQT, Ban kiểm soát và thư ký HDQT làm việc kiêm nhiệm theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Tiền lương năm 2023 (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|-----------------|----------------------------|--------------------------|
| A | Tiền lương của Tổng giám đốc | | | |
| 1 | Ứng Văn Phúc | Tổng giám đốc | 441.337.045 | Hưởng lương chuyên trách |
| | Cộng A | | 441.337.045 | |
| B | Thù lao của thành viên HDQT, thành viên BKS và thư ký HDQT | | | |
| 1 | Lê Thái Hưng | Chủ tịch HDQT | 72.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 2 | Ứng Văn Phúc | Thành viên HDQT | 48.000.000 | Kiểm Tổng giám đốc |
| 3 | Lưu Quang Việt | Thành viên HDQT | 48.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 4 | Nguyễn Mai Lan | Thành viên BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 5 | Lương Thị Ngọc Quỳnh | Trưởng ban KS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 6 | Hồ Ngọc Tuấn | Thành viên BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 7 | Phạm Văn Long | Thư ký HDQT | 18.000.000 | Kiểm nhiệm |
| | Cộng B | | 258.000.000 | |
| | Tổng cộng (A + B) | | 699.337.045 | |

(Bằng chữ: Sáu trăm chín chín triệu, ba trăm ba bảy ngàn, không trăm bốn lăm đồng).

2. Phương án chi trả thù lao và tiền lương năm 2024:

Căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2023, HĐQT Công ty dự kiến phương án chi trả thù lao và tiền lương cho Tổng giám đốc Công ty và thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT làm việc kiêm nhiệm năm 2024 như sau:

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Tiền lương năm 2024 (đồng) | Ghi chú |
|--|----------------------|-----------------|----------------------------|--------------------------|
| A Tiền lương của Tổng giám đốc | | | | |
| 1 | Ứng Văn Phúc | Tổng giám đốc | 441.337.045 | Hưởng lương chuyên trách |
| B Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS và thư ký công ty | | | | |
| 1 | Lê Thái Hưng | Chủ tịch HĐQT | 72.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 2 | Ứng Văn Phúc | Thành viên HĐQT | 48.000.000 | Kiểm Tổng giám đốc |
| 3 | Lưu Quang Việt | Thành viên HĐQT | 48.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 4 | Lương Thị Ngọc Quỳnh | Trưởng BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 5 | Nguyễn Mai Lan | Thành viên BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 6 | Hồ Ngọc Tuấn | Thành viên BKS | 24.000.000 | Không kiêm nhiệm |
| 7 | Phạm Văn Long | Thư ký HĐQT | 18.000.000 | Kiểm P. Tổng giám đốc |
| Cộng B | | | 258.000.000 | |
| Tổng cộng (A + B) | | | 699.337.045 | |

(Bằng chữ: Sáu trăm chín chín triệu, ba trăm ba bảy ngàn, không trăm bốn lăm đồng).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP, HĐQT.



Lê Thái Hưng

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;
- Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/10/2007 của Bộ tài chính ban hành quy chế lựa chọn Doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của CTCP Thủy điện Sông Vàng;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính số 073/2024/BCKT-PB.00493 ký ngày 18/03/2024 của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 – Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng thông qua báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2023 của CTCP Thủy điện Sông Vàng.

(Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2023 kèm theo)

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Thái Hưng



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 9 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | 10 - 27 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400476650 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/06/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|--------------------|-----------------|
| Ông Lê Thái Hưng | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Ưng Văn Phúc | Thành viên HĐQT |
| Ông Lưu Quang Việt | Thành viên HĐQT |

Ban Kiểm soát

| | |
|-------------------------|--------------------------|
| Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Ông Hồ Ngọc Tuấn | Thành viên Ban Kiểm soát |
| Bà Nguyễn Mai Lan | Thành viên Ban Kiểm soát |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-------------------|-------------------|
| Ông Ưng Văn Phúc | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Long | Phó Tổng Giám đốc |

3. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Ưng Văn Phúc - Tổng Giám đốc.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

5. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

6. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Ưng Văn Phúc

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024



Số: 073/2024/BCKT-PB.00493

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20/03/2023.



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2023-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

A blue handwritten signature.

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2505-2024-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------|-----|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 85.348.146.868 | 81.243.738.297 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 2.986.065.011 | 7.059.182.967 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.986.065.011 | 7.059.182.967 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 77.140.776.975 | 71.000.804.800 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 16.611.265.797 | 8.106.565.745 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 45.012.456.415 | 41.691.186.630 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.3 | 1.237.234.568 | 15.318.742.580 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 14.305.172.195 | 5.909.661.845 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (25.352.000) | (25.352.000) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.221.304.882 | 3.183.750.530 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 18.494.066 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 5.221.304.882 | 3.165.256.464 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 322.092.352.677 | 251.880.371.501 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 193.080.950.460 | 204.183.479.736 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.7 | 193.080.950.460 | 204.183.479.736 |
| - Nguyên giá | 222 | | 450.478.451.778 | 450.106.451.778 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (257.397.501.318) | (245.922.972.042) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 128.802.844.382 | 46.369.731.972 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.8 | 128.802.844.382 | 46.369.731.972 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 208.557.835 | 1.327.159.793 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.6 | 208.557.835 | 1.327.159.793 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 407.440.499.545 | 333.124.109.798 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 216.250.031.623 | 171.595.220.155 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 79.362.724.381 | 62.940.691.255 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.9 | 31.545.724.924 | 21.544.858.694 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.11 | 3.645.762.019 | 1.822.914.807 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 1.194.917.886 | 905.046.925 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.13 | 294.390.370 | 411.044.305 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.10 | 2.665.472.508 | 2.128.526.194 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.12 | 40.016.456.674 | 36.128.300.330 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 136.887.307.242 | 108.654.528.900 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.12 | 136.887.307.242 | 108.654.528.900 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 191.190.467.922 | 161.528.889.643 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.14 | 191.190.467.922 | 161.528.889.643 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 148.206.625.000 | 148.206.625.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 148.206.625.000 | 148.206.625.000 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 42.983.842.922 | 13.322.264.643 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 13.322.264.643 | (21.027.887.069) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 29.661.578.279 | 34.350.151.712 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 407.440.499.545 | 333.124.109.798 |



Ưng Văn Phúc
Tổng Giám Đốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Hà Huy Bình
Kế toán trưởng

Hà Huy Bình
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-----|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm 2023 | Năm 2022 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 56.328.580.772 | 67.443.392.712 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 56.328.580.772 | 67.443.392.712 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 19.202.740.290 | 18.791.345.716 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 37.125.840.482 | 48.652.046.996 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 779.790.371 | 901.901.711 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 8.907.025.778 | 9.854.362.863 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 8.906.846.294 | 9.854.362.863 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 1.118.203.792 | 3.393.068.826 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 27.880.401.283 | 36.306.517.018 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.5 | 5.286.451.518 | 33.305.532 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.6 | 1.497.943.481 | 172.679.711 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 3.788.508.037 | (139.374.179) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 31.668.909.320 | 36.167.142.839 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.7 | 2.007.331.041 | 1.816.991.127 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 29.661.578.279 | 34.350.151.712 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.8 | 2.001 | 2.318 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 6.8 | 2.001 | 2.318 |



Ưng Văn Phúc
Tổng Giám Đốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Hà Huy Bình
Kế toán trưởng

Hà Huy Bình
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| Chỉ tiêu | MS | Đơn vị tính: VND | |
|---|----|-------------------------|-------------------------|
| | | Năm 2023 | Năm 2022 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 31.668.909.320 | 36.167.142.839 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 11.474.529.276 | 11.350.529.276 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (779.790.371) | (901.901.711) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 8.906.846.294 | 9.854.362.863 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 51.270.494.519 | 56.470.133.267 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (22.532.683.138) | 10.464.456.973 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | (14.053.610.772) | (8.047.546.218) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 1.137.096.024 | (1.345.653.859) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (8.956.846.294) | (9.804.362.863) |
| - Thuế TNDN đã nộp | 15 | (1.816.991.127) | (939.265.239) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 5.047.459.212 | 46.797.762.061 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (56.357.964.770) | (73.566.272.287) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (12.428.491.988) | (25.337.540.572) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 26.510.000.000 | 10.018.797.992 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.034.944.904 | 646.747.178 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (41.241.511.854) | (88.238.267.689) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 44.339.358.686 | 163.207.805.003 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (12.218.424.000) | (127.529.222.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 32.120.934.686 | 35.678.583.003 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (4.073.117.956) | (5.761.922.625) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 7.059.182.967 | 12.821.105.592 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 2.986.065.011 | 7.059.182.967 |



Ưng Văn Phúc
Tổng Giám Đốc

Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2024


Hà Huy Bình
Kế toán trưởng


Hà Huy Bình
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400476650 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/06/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 17 là 148.206.625.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám tỷ, hai trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./.).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 kV;
- Sửa chữa các thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31/12/2023, tổng số nhân viên của Công ty là 36 người (tại ngày 01/01/2023 là 36 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả tại ngày chốt quyền cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mục b, Điều 2, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/CN-UBND ngày 18/07/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp như sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm cho phần thu nhập do đầu tư này mang lại;
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo cho phần thu nhập do đầu tư này mang lại.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 2.700.552.202 | 1.562.734.337 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 285.512.809 | 5.496.448.630 |
| Cộng | 2.986.065.011 | 7.059.182.967 |

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá trị VND | Giá trị VND |
| <i>Các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Các bên khác</i> | 16.611.265.797 | 8.106.565.745 |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Trung | 16.611.265.797 | 8.106.565.745 |
| Cộng | 16.611.265.797 | 8.106.565.745 |

5.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị VND | Giá trị VND |
| <i>Các bên liên quan</i> | 1.237.234.568 | 15.318.742.580 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân (i) | 1.237.234.568 | 15.318.742.580 |
| <i>Các bên khác</i> | - | - |
| Cộng | 1.237.234.568 | 15.318.742.580 |

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 03.22/NC-TS ngày 21/02/2022; lãi suất: 7%/năm; Biện pháp bảo đảm: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị VND | Giá trị VND |
| Các bên liên quan | - | - |
| Các bên khác | 45.012.456.415 | 41.691.186.630 |
| Công ty Cổ phần Prime Trung Tín | 31.921.534.631 | 27.566.618.000 |
| Công ty TNHH Tập đoàn Vân Tiên Hồ Nam | 7.855.625.000 | 7.855.625.000 |
| Trả trước cho người bán khác | 5.235.296.784 | 6.268.943.630 |
| Cộng | 45.012.456.415 | 41.691.186.630 |

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|-----------------------|---------------------|----------------------|---------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Các bên liên quan | - | - | 2.017.154.533 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân - tiền lãi cho vay Ông Lê Thái Hưng | - | - | 255.154.533 | - |
| Các bên khác | 14.305.172.195 | (25.352.000) | 3.892.507.312 | (25.352.000) |
| Ký quỹ, ký cược | 8.337.000.000 | - | 2.337.000.000 | - |
| Tổng công ty điện lực miền Trung (PC3) | 2.076.245.650 | - | - | - |
| Tiền tạm ứng cho CBNV | 3.095.972.258 | (25.352.000) | 961.804.024 | (25.352.000) |
| Đối tượng khác | 795.954.287 | - | 593.703.288 | - |
| Cộng | 14.305.172.195 | (25.352.000) | 5.909.661.845 | (25.352.000) |

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác | 208.557.835 | 390.234.452 |
| Bảo hiểm xây dựng nhà máy | - | 936.925.341 |
| Cộng | 208.557.835 | 1.327.159.793 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.7 Tàng, giám TSCĐ hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---|-------------------------------------|------------------------|
| NGUYỄN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2023 | 340.515.878.283 | 108.593.581.881 | 946.900.705 | 50.090.909 | 450.106.451.778 |
| Mua trong năm | - | 372.000.000 | - | - | 372.000.000 |
| Số dư tại 31/12/2023 | 340.515.878.283 | 108.965.581.881 | 946.900.705 | 50.090.909 | 450.478.451.778 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2023 | 136.332.398.547 | 108.593.581.881 | 946.900.705 | 50.090.909 | 245.922.972.042 |
| Khấu hao trong năm | 11.350.529.276 | 124.000.000 | - | - | 11.474.529.276 |
| Số dư tại 31/12/2023 | 147.682.927.823 | 108.717.581.881 | 946.900.705 | 50.090.909 | 257.397.501.318 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2023 | 204.183.479.736 | - | - | - | 204.183.479.736 |
| Số dư tại 31/12/2023 | 192.832.950.460 | 248.000.000 | - | - | 193.080.950.460 |

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2023 là 109.590.573.495 VND, tại 01/01/2023 là 109.590.573.495 VND.

- Giá trị còn lại còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại 31/12/2023 là 192.832.950.460 VND, tại 01/01/2023 là 204.183.479.736 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Mua sắm | - | - |
| Xây dựng cơ bản | 128.802.844.382 | 46.369.731.972 |
| Dự án An Điền II mở rộng (i) | 128.802.844.382 | 46.369.731.972 |
| Cộng | <u>128.802.844.382</u> | <u>46.369.731.972</u> |

(i) Công ty thực hiện dự án theo Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1934/QĐ-UBND ngày 20/07/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam:

- Mục tiêu và quy mô dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện phát điện lên lưới điện Quốc Gia với công suất 29,6 MW (trong đó: Giai đoạn 1 đầu tư nhà máy thủy điện với công suất 15,6 MW đã đi vào hoạt động; Giai đoạn 2: Đầu tư mở rộng thủy điện với công suất 14 MW).

- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2: 446.664.093.000 đồng.

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Các bên liên quan | - | - | - | - |
| Các bên khác | 31.545.724.924 | 31.545.724.924 | 21.544.858.694 | 21.544.858.694 |
| Công ty CP Đầu tư & Phát triển hạ tầng | 2.314.082.000 | 2.314.082.000 | 2.314.082.000 | 2.314.082.000 |
| Tổng công ty lắp máy Việt Nam | 13.086.415.303 | 13.086.415.303 | 13.586.415.303 | 13.586.415.303 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung | 12.155.822.376 | 12.155.822.376 | - | - |
| Các đối tượng khác | 3.989.405.245 | 3.989.405.245 | 5.644.361.391 | 5.644.361.391 |
| Cộng | <u>31.545.724.924</u> | <u>31.545.724.924</u> | <u>21.544.858.694</u> | <u>21.544.858.694</u> |

5.10 Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Các bên liên quan | - | - | - | - |
| Các bên khác | 2.665.472.508 | 2.665.472.508 | 2.128.526.194 | 2.128.526.194 |
| Phải trả Tổng công ty lắp máy Việt Nam | 1.523.615.723 | 1.523.615.723 | 1.523.615.723 | 1.523.615.723 |
| Quỹ Bảo vệ tài nguyên môi trường rừng tỉnh Quảng Nam | 532.511.424 | 532.511.424 | 258.058.836 | 258.058.836 |
| Phải trả khác | 609.345.361 | 609.345.361 | 346.851.635 | 346.851.635 |
| Cộng | <u>2.665.472.508</u> | <u>2.665.472.508</u> | <u>2.128.526.194</u> | <u>2.128.526.194</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.11 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

| | Số phải thu cuối năm VND | Số phải nộp cuối năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số phải thu đầu năm VND | Số phải nộp đầu năm VND |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | - | 3.117.815.548 | 3.117.815.548 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 2.007.331.041 | 1.816.991.127 | 2.007.331.041 | - | 1.816.991.127 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 2.120.599 | 28.383.059 | 30.503.658 | - | - |
| Thuế tài nguyên | - | 1.476.464.531 | 4.050.696.115 | 5.527.160.646 | - | - |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | - | 1.026.077.000 | 1.026.077.000 | - | - |
| Thuế môn bài | - | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản khác | - | 159.845.848 | 41.134.384 | 195.056.552 | - | 5.923.680 |
| Cộng | - | 3.645.762.019 | 10.085.097.233 | 11.907.944.445 | - | 1.822.914.807 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Vay và nợ thuế tài chính**5.12.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

| | 31/12/2023 | | Trong năm | | 01/01/2023 | |
|--|-----------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | 25.583.567.674 | 25.583.567.674 | 1.673.691.344 | - | 23.909.876.330 | 23.909.876.330 |
| Bà Trần Thu Hương (i) | 25.583.567.674 | 25.583.567.674 | 1.673.691.344 | - | 23.909.876.330 | 23.909.876.330 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 14.432.889.000 | 14.432.889.000 | 14.432.889.000 | 12.218.424.000 | 12.218.424.000 | 12.218.424.000 |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (ii) | 14.432.889.000 | 14.432.889.000 | 14.432.889.000 | 12.218.424.000 | 12.218.424.000 | 12.218.424.000 |
| Cộng | 40.016.456.674 | 40.016.456.674 | 16.106.580.344 | 12.218.424.000 | 36.128.300.330 | 36.128.300.330 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.12.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | 31/12/2023 | | Trong năm | | 01/01/2023 | |
|--|------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (ii) | 136.887.307.242 | 136.887.307.242 | 42.665.667.342 | 14.432.889.000 | 108.654.528.900 | 108.654.528.900 |
| Cộng | 136.887.307.242 | 136.887.307.242 | 42.665.667.342 | 14.432.889.000 | 108.654.528.900 | 108.654.528.900 |

(i) Hợp đồng vay bà Trần Thu Hương, lãi suất 7%/năm. Hình thức bảo đảm: Tín chấp.

(ii) Bao gồm các hợp đồng sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 0009/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 18/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng:

- Hạn mức tín dụng: 85.529.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8,9%/năm, điều chỉnh 6 tháng mức một lần;
- Tài sản bảo đảm:

+ Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, công trình phụ trợ và các tài sản khác thuộc nhà máy thủy điện An Điền II công suất 15,6 MW gắn liền trên thửa đất số 20, 21; tờ bản đồ số 1, 2, 3; diện tích 1.326.794 m².

+ Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện An Điền II công suất 15,6 MW.

+ Cụm nhà máy thủy điện Bản cóc xã Kim Châu, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An bao gồm Văn phòng làm việc điều hành Ban quản lý, Nhà đặt máy phát điện và điều hành máy, nhà để vật tư, đập chắn nước và hệ thống thu nước. Máy móc thiết bị tại nhà máy thủy điện Bản Cốc tại xã Kim Châu, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (Đồng đảm bảo với nghĩa vụ tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong tại OCB).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(2) Hợp đồng tín dụng số 0074/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 23/03/2022 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Nghệ An và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 144 tháng;

- Lãi suất cho vay: Theo từng thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;

- Mục đích: Tài trợ đầu tư Dự án nhà máy Thủy điện An Đầm II;

- Tài sản bảo đảm:

+ Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, công trình phụ trợ và các tài sản khác thuộc Nhà máy Thủy điện An Đầm II, công suất 15,6 MW gắn liền trên thửa đất số 20, 21; tờ bản đồ số 1, 2, 3; Diện tích 1.326.794 m².

+ Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy An Đầm II, công suất 15,6 MW.

+ Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị, công trình phụ trợ và các tài sản khác hình thành trong tương lai thuộc nhà máy thủy điện An Đầm II mở rộng, công suất 14 MW.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2023 VND | 01/01/2023 VND |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí phải trả khác | 294.390.370 | 411.044.305 |
| Cộng | 294.390.370 | 411.044.305 |

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động VCSH

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | LNST chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Số dư tại 01/01/2022 | 148.206.625.000 | (21.027.887.069) | 127.178.737.931 |
| Lãi trong năm trước | - | 34.350.151.712 | 34.350.151.712 |
| Số dư tại 31/12/2022 | 148.206.625.000 | 13.322.264.643 | 161.528.889.643 |
| Số dư tại 01/01/2023 | 148.206.625.000 | 13.322.264.643 | 161.528.889.643 |
| Lãi trong năm nay | - | 29.661.578.279 | 29.661.578.279 |
| Số dư tại 31/12/2023 | 148.206.625.000 | 42.983.842.922 | 191.190.467.922 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2023 | | | 01/01/2023 | | |
|----------------------------------|-------------------|------------------------|-------------|-------------------|------------------------|-------------|
| | Số lượng CP | Giá trị VND | Tỷ lệ % | Số lượng CP | Giá trị VND | Tỷ lệ % |
| Công ty CP Điện lực Trung Sơn | 12.747.200 | 127.472.000.000 | 86,01% | 12.747.200 | 127.472.000.000 | 86,01% |
| Ông Lê Thái Hưng | 1.487.100 | 14.871.000.000 | 10,03% | 1.487.100 | 14.871.000.000 | 10,03% |
| Các cổ đông khác | 586.362 | 5.863.625.000 | 3,96% | 586.362 | 5.863.625.000 | 3,96% |
| Cộng | 14.820.662 | 148.206.625.000 | 100% | 14.820.662 | 148.206.625.000 | 100% |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 148.206.625.000 | 148.206.625.000 |
| Vốn góp cuối năm | 148.206.625.000 | 148.206.625.000 |
| Cổ tức đã chia | - | - |
| Cổ phiếu | | |
| | 31/12/2023 Cổ phiếu | 01/01/2023 Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 14.820.662 | 14.820.662 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 14.820.662 | 14.820.662 |
| Cổ phiếu phổ thông | 14.820.662 | 14.820.662 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 14.820.662 | 14.820.662 |
| Cổ phiếu phổ thông | 14.820.662 | 14.820.662 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán điện | 56.328.580.772 | 67.443.392.712 |
| Cộng | 56.328.580.772 | 67.443.392.712 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn bán điện | 19.202.740.290 | 18.791.345.716 |
| Cộng | 19.202.740.290 | 18.791.345.716 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 779.790.371 | 901.901.711 |
| Cộng | 779.790.371 | 901.901.711 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.4 Chi phí tài chính

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | 8.906.846.294 | 9.854.362.863 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá | 179.484 | - |
| Cộng | 8.907.025.778 | 9.854.362.863 |

6.5 Thu nhập khác

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|----------------------|-------------------|
| Tiền điện thi công | 3.352.730.879 | - |
| Các khoản công nợ - Chủ nợ bỏ/ nghỉ kinh doanh | 1.933.720.639 | - |
| Các khoản khác | - | 33.305.532 |
| Cộng | 5.286.451.518 | 33.305.532 |

6.6 Chi phí khác

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Giá vốn tiền điện thi công | 1.288.223.351 | - |
| Các khoản khác | 209.720.130 | 172.679.711 |
| Cộng | 1.497.943.481 | 172.679.711 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 31.668.909.320 | 36.167.142.839 |
| Hoạt động được ưu đãi thuế | 26.897.343.698 | 36.167.142.839 |
| Hoạt động kinh doanh khác | 4.771.565.622 | - |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN | (3.836.377.272) | 172.679.711 |
| Hoạt động được ưu đãi thuế | (1.902.656.633) | 172.679.711 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 209.720.130 | 172.679.711 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế khác | (2.112.376.763) | - |
| Hoạt động khác | (1.933.720.639) | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (1.933.720.639) | - |
| Thu nhập đã tính thuế TNDN kỳ trước | (1.933.720.639) | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 27.832.532.048 | 36.339.822.550 |
| Hoạt động được ưu đãi thuế | 24.994.687.065 | 36.339.822.550 |
| Hoạt động kinh doanh khác | 2.837.844.983 | - |
| Thuế suất thuế TNDN | | |
| Hoạt động được ưu đãi thuế | 10% | 10% |
| Hoạt động kinh doanh khác | 20% | 20% |
| Thuế TNDN | 3.067.037.704 | 3.633.982.255 |
| Hoạt động được ưu đãi thuế | 2.499.468.707 | 3.633.982.255 |
| Hoạt động kinh doanh khác | 567.568.997 | - |
| Thuế TNDN được miễn, giảm | 1.249.734.353 | 1.816.991.128 |
| Hoạt động được ưu đãi thuế | 1.249.734.353 | 1.816.991.128 |
| Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành | 1.817.303.351 | 1.816.991.127 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 190.027.690 | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 2.007.331.041 | 1.816.991.127 |

6.8 Lãi trên cổ phiếu

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 29.661.578.279 | 34.350.151.712 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông | 29.661.578.279 | 34.350.151.712 |
| Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 14.820.662 | 14.820.662 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.001 | 2.318 |
| Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 2.001 | 2.318 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công | 6.384.435.488 | 5.113.737.513 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.474.529.276 | 11.350.529.276 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.523.427.872 | 5.023.159.514 |
| Chi phí khác bằng tiền | 226.774.797 | 696.988.239 |
| Cộng | 21.609.167.433 | 22.184.414.542 |

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm tài chính, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân | Cùng thành viên ban lãnh đạo chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong | Công ty Con của Công ty CP Điện lực Trung Sơn |
| Ông Lê Thái Hưng | Chủ tịch HĐQT |

7.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

7.2.2.1 Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| | Năm 2023 | | Năm 2022 | | |
|--------------------------|-------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Tiền lương VND | Thù lao VND | Tiền lương VND | Thù lao VND | |
| Hội đồng quản trị | | | | | |
| Ông Lê Thái Hưng | Chủ tịch HĐQT | - | 72.000.000 | - | 72.000.000 |
| Ông Hồ Ngọc Thạch | TV HĐQT | - | - | - | 16.000.000 |
| Ông Lưu Quang Việt | TV HĐQT | - | 48.000.000 | - | 32.000.000 |
| Ông Ưng Văn Phúc | TV HĐQT | - | 48.000.000 | - | 24.000.000 |
| Ông Phạm Văn Long | Thư ký HĐQT | - | 18.000.000 | - | 9.000.000 |
| Ban kiểm soát | | | | | |
| Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh | Trưởng ban | - | 24.000.000 | - | 24.000.000 |
| Ông Hồ Ngọc Tuấn | Thành viên | - | 24.000.000 | - | 24.000.000 |
| Bà Nguyễn Mai Lan | Thành viên | - | 24.000.000 | - | 16.000.000 |
| Bà Lê Thị Kim Huyền | Thành viên | - | - | - | 8.000.000 |
| Ban Tổng Giám đốc | | | | | |
| Ông Ưng Văn Phúc | TGD | 441.337.045 | - | 400.553.158 | - |
| Ông Phạm Văn Long | P.TGD | 368.533.830 | - | 326.721.813 | - |
| Ông Hà Huy Bình | KTT | 306.308.742 | - | 290.134.500 | - |
| Tổng cộng | | 1.116.179.617 | 258.000.000 | 1.017.409.471 | 225.000.000 |

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| Ông Lê Thái Hưng | | |
| Ứng tiền phục vụ kinh doanh | - | 1.762.000.000 |

7.2.2.2 Giao dịch với bên liên quan khác trong năm tài chính

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn | | |
| Thuê cung cấp dịch vụ | 70.380.849 | 124.652.749 |
| Lãi cho vay | - | 289.921.280 |
| Cho vay ngắn hạn | - | 8.618.797.992 |
| Thu tiền cho vay | - | 8.618.797.992 |
| Thu tiền lãi cho vay | - | 289.921.280 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân | | |
| Vay ngắn hạn | - | 29.570.432.586 |
| Trả vay ngắn hạn | - | 116.329.000.000 |
| Thu tiền lãi cho vay | - | 17.649.864 |
| Chi tiền cho vay | 11.400.000.000 | 16.718.742.580 |
| Thu tiền cho vay | 26.510.000.000 | 1.400.000.000 |
| Lãi cho vay | 773.337.455 | 272.804.397 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.2.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài

chính này



Ưng Văn Phúc
Tổng Giám Đốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Hà Huy Bình
Kế toán trưởng

Hà Huy Bình
Người lập biểu

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị soát xét BCT C 06 tháng đầu năm 2024
và Kiểm toán tài chính năm 2024)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;

- Căn cứ quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/10/2004 của Bộ tài chính ban hành quy chế lựa chọn Doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

- Căn cứ vào danh sách các Công ty kiểm toán đủ năng lực, đủ điều kiện kiểm toán báo cáo tài chính của Bộ tài chính ban hành năm 2024;

- Căn cứ báo giá soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của 03 đơn vị kiểm toán.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 lựa chọn một trong 03 đơn vị thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 bao gồm:

- | | |
|---|---------------------|
| 1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam | : 100.000.000 đồng. |
| 2. Công ty TNHH Kiểm toán BDO | : 100.000.000 đồng. |
| 3. Công ty TNHH kiểm toán và định giá quốc tế IAV | : 70.000.000 đồng. |

Để đảm bảo tài liệu tài chính được minh bạch rõ ràng, đúng với qui định hiện hành của Nhà nước, HĐQT CTCP Thủy điện Sông Vàng kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và định giá quốc tế IAV để soát xét Báo cáo tài chính 06 đầu năm 2024 và kiểm toán cho năm tài chính 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trân trọng!

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

* **Nơi nhân:**

- Như trên;
- Lưu VP.

Lương Thị Ngọc Quỳnh

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

ĐỀ XUẤT DỊCH VỤ

**Soát xét và Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng cho năm tài chính 2024;
Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty**

I. Hiểu biết về yêu cầu của dịch vụ

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng yêu cầu kiểm toán viên cung cấp dịch vụ soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 của Quý công ty.

II. Phạm vi công việc của dịch vụ

Kiểm toán viên của BDO sẽ thực hiện các công việc theo yêu cầu đã thỏa thuận với Ban Giám đốc Công ty, bao gồm các bước sau:

Bước 1: Công tác chuẩn bị cuộc kiểm toán:

- Tổ chức buổi họp đầu tiên với Ban lãnh đạo Công ty khi bắt đầu thực hiện kiểm toán;
- Xác định phạm vi công việc và kế hoạch kiểm toán cụ thể;
- Tổ chức thảo luận sơ bộ với các phòng ban liên quan;
- Tiến hành khảo sát sơ bộ các báo cáo tài chính, ghi chép kế toán và tài liệu của Công ty;
- Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể;
- Thành lập nhóm kiểm toán và phân công công việc cho từng thành viên;
- Phác thảo kế hoạch kiểm toán chi tiết;
- Thảo luận kế hoạch kiểm toán và giới thiệu nhóm kiểm toán với Quý Công ty.

Bước 2: Thu thập và tổng hợp thông tin soát xét hệ thống kiểm soát nội bộ:

- Thu thập toàn bộ các tài liệu và thông tin cần thiết của Quý Công ty cho việc kiểm toán;
- Thu thập các số liệu thực tế từ trụ sở của Quý Công ty;
- Soát xét hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kế toán của Quý Công ty, bao gồm: các mục tiêu chiến lược, rủi ro, cơ cấu hoạt động, cơ cấu tổ chức, các chủ trương và thủ tục hoạt động, môi trường kiểm soát nội bộ.

Bước 3: Kiểm toán chi tiết tại Quý Công ty:

- Kiểm tra tính phù hợp của hệ thống kiểm soát nội bộ của Quý Công ty với các quy định pháp luật hiện hành;
- Soát xét việc ghi chép các sổ kế toán và kiểm tra chứng từ của Quý Công ty;
- Soát xét các Báo cáo tài chính của Quý Công ty;
- Phân loại chi tiết về vốn và nợ dài hạn;
- Gửi thư xác nhận đối với các tài khoản ngân hàng, đầu tư, phải thu và phải trả kể cả công nợ trong nội bộ;
- Đối chiếu các khoản phải thu - phải trả với các công ty liên kết hoặc khách hàng;
- Chúng tôi cũng sẽ tiến hành đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Quý Công ty về tiền mặt, tài sản cố định có đầy đủ không để khẳng định về tính hiện hữu, tính sở hữu và việc đánh giá đối với tiền, các tài sản cố định chủ yếu;
- Phân tích một số tỷ suất tài chính chủ yếu, khả năng thanh toán, hiệu quả và khả năng tài chính của Quý Công ty ;
- Kiểm tra chi tiết Tài sản gồm: Tiền, hàng tồn kho, các khoản nợ phải thu, tài sản cố định, các khoản đầu tư khác và tài sản khác;
- Kiểm tra chi tiết chi phí đầu tư, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động đầu tư, kiểm tra tính hợp lý của các nguồn vốn đầu tư;
- Kiểm tra chi tiết nguồn vốn và các khoản nợ phải trả;
- Kiểm tra chi tiết doanh thu, giá vốn, chi phí, thu nhập khác và chi phí phí khác;



- Xác định lãi lỗ của kỳ hoạt động, đánh giá tính đúng kỳ của các doanh thu và chi phí;
- Kiểm tra, xác định các ảnh hưởng của các giao dịch giữa các bên liên quan.
- Thực hiện các thủ tục kiểm toán khác hoặc các thủ tục thay thế cần thiết trong các trường hợp cần thiết.

Bước 4: Chuẩn bị và phát hành Báo cáo, thư quản lý:

- Tổng hợp kết quả kiểm toán tại Quý Công ty;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;
- Thảo luận với Quý Công ty về kết quả kiểm toán;
- Lập Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý dự thảo (nếu có);
- Gửi Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý dự thảo cho Công ty;
- Hoàn chỉnh Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý và phát hành bản chính thức Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và Thư quản lý.

Bước 5: Các bước công việc sau kiểm toán:

Sau khi kiểm tra và phân tích hệ thống kiểm soát nội bộ và việc ghi chép kế toán của Quý Công ty, chúng tôi sẽ tiếp tục tiến hành các bước sau:

- Hướng dẫn các nhân viên kế toán và nhân viên có trách nhiệm liên quan hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo phù hợp với các quy định nội bộ, hệ thống kế toán Việt Nam, luật pháp của Việt Nam và phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của Quý Công ty;
- Đưa ra các khuyến nghị về hệ thống kiểm soát nội bộ với Quý Công ty.

III. Kết quả của dịch vụ:

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024.
- Thư quản lý kèm theo (nếu có) đề cập tới các mặt hạn chế cần khắc phục và ý kiến đề xuất của Kiểm toán viên nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Quý Công ty.

IV. Kế hoạch và giá phí:

Công việc kiểm toán sẽ được thực hiện ngay sau khi Công ty đã lập xong Báo cáo tài chính và thông báo cho kiểm toán viên.

Để cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quý Công ty với chất lượng cao nhất, chúng tôi sẽ bổ nhiệm một chủ nhiệm kiểm toán và phân công một nhóm kiểm toán gồm những kiểm toán viên lành nghề, giàu kinh nghiệm trực tiếp thực hiện dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho Quý Công ty.

Giá phí ước tính như sau:

| | | | |
|-------------------------------------|---|--------------------|------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng | : | 100.000.000 | VND |
| Tổng cộng | : | 100.000.000 | VND |

Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn./. Giá phí trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Phương thức thanh toán: Quý Công ty sẽ tạm ứng 50% phí kiểm toán sau khi hợp đồng kiểm toán được ký kết và thanh toán 50% phí kiểm toán còn lại khi chúng tôi phát hành báo cáo kiểm toán chính thức.

Chúng tôi hy vọng được hợp tác và cung cấp dịch vụ cho Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT



Bùi Văn Vương

Kính gửi:
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

Kính thưa Quý Công ty,

Trích yếu: V/v Đề xuất cung cấp dịch vụ kiểm toán

Thay mặt Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của Quý Công ty về các dịch vụ kiểm toán của chúng tôi.

Theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng ("Quý Công ty"), chúng tôi xin gửi đến Quý vị bảng chào giá cho dịch vụ Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 và dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng.

I. PHẠM VI VÀ NỘI DUNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Phạm vi và nội dung công việc kiểm toán

Phạm vi công việc kiểm toán được xác định dựa trên hiểu biết của chúng tôi và thông qua trao đổi với đại diện của Quý Công ty. Công việc của chúng tôi cho mỗi một đơn vị kiểm toán như sau:

- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 và Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS);
- Soạn thảo và cung cấp tới Quý Công ty một Thư quản lý (nếu cần thiết) đề cập đến các vấn đề quan trọng phát hiện trong quá trình kiểm toán cũng như các yếu kém trong hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Quý Công ty.

Phương pháp kiểm toán

Để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao, chúng tôi sẽ áp dụng phương pháp kiểm toán gồm những nét chính như sau:

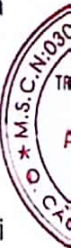
- Tìm hiểu đầy đủ về các hệ thống quản lý của Quý Công ty nhằm xác định các lĩnh vực thường xảy ra rủi ro kiểm toán để có thể trao đổi một cách hiệu quả với Ban Tổng Giám đốc của Quý Công ty.
- Đảm bảo sự tham gia thường xuyên và kịp thời của các nhân sự chủ chốt trong quá trình kiểm toán.
- Xây dựng phương pháp kiểm toán hợp lý qua việc tập trung kiểm tra những lĩnh vực trọng yếu.
- Thông báo kịp thời tiến trình kiểm toán với Ban Tổng Giám đốc của Quý Công ty.

PHÁT HÀNH BÁO CÁO

Sau khi hoàn tất công việc kiểm toán, chúng tôi sẽ cung cấp cho Quý Công ty Báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2024 cho Quý Công ty, bao gồm:

Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh Báo cáo tài chính

Tại mỗi niên độ, Báo cáo được lập thành 08 (tám) bộ tiếng Việt. Quý Công ty giữ 06 (sáu) bộ, chúng tôi giữ 02 (hai) bộ.



II. ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN

Chúng tôi sẽ phân công nhóm thực hiện có nhiều kinh nghiệm tư vấn và kiểm toán các công ty thuộc lĩnh vực mà Quý Công ty đang hoạt động. Dự kiến thành phần thực hiện bao gồm:

| | |
|-------------------------|---|
| Giám đốc: | Chỉ đạo chung về việc thực hiện hợp đồng và là người đại diện Công ty ký hợp đồng |
| 1 Phó Giám đốc: | Trực tiếp chỉ đạo và kiểm soát chất lượng |
| 1 Kiểm toán viên chính | Điều hành, trực tiếp tham gia thực hiện |
| 3 Trợ lý Kiểm toán viên | Trực tiếp thực hiện công tác kiểm toán |

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện dự kiến

Chúng tôi sẽ triển khai thực hiện dịch vụ ngay khi Công ty đã chuẩn bị đầy đủ các thông tin cần thiết cho nội dung công việc. Chúng tôi sẽ trao đổi, thống nhất lịch trình và thời gian làm việc cụ thể với Quý Công ty ngay sau khi hợp đồng kiểm toán được ký kết.

IV. PHÍ DỊCH VỤ

Cơ sở tính phí dịch vụ

Chúng tôi luôn chú trọng vào việc cung cấp đến khách hàng của mình dịch vụ kiểm toán có chất lượng cao cùng với các dịch vụ gia tăng khác nhưng đảm bảo công việc được thực hiện một cách hiệu quả với mức giá phí hợp lý.

Với kinh nghiệm kiểm toán các khách hàng tương tự và hiểu biết về phạm vi công việc kiểm toán, giá phí của chúng tôi được tính trên cơ sở khối lượng công việc, thời gian và trình độ chuyên môn cần thiết để hoàn thành công việc kiểm toán và các chi phí khác có liên quan.

Giá phí dịch vụ

Với cơ sở tính phí dịch vụ như nêu trên, chúng tôi xin gửi đến Quý Công ty giá phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

- Phí Soát xét và kiểm toán BCTC năm 2024 : 100.000.000 VND

Tổng cộng : 100.000.000 VND

(Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn - chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành)

V. SỰ HỖ TRỢ CỦA AFC VIỆT NAM

Hiện nay, Công ty chúng tôi là thành viên chính thức của Tập đoàn PKF Quốc tế.

PKF Quốc tế là một trong những công ty kiểm toán Quốc tế hàng đầu trên thế giới. PKF Quốc tế chuyên cung cấp các dịch vụ chuyên ngành như kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn quản trị. PKF Quốc tế có mạng lưới hoạt động rộng khắp với 440 văn phòng tại 150 quốc gia.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự hỗ trợ từ các công ty thành viên trong Tập đoàn PKF Quốc tế, chúng tôi sẽ nhận được các cơ hội tốt hơn để phát triển vị thế của mình tại thị trường Việt Nam thông qua lượng khách hàng ngày càng gia tăng cả trong và ngoài nước, đồng thời điều này sẽ góp phần củng cố thêm uy tín của Công ty chúng tôi về khả năng cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp có chất lượng cao.

Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi cũng sẽ tư vấn cho Quý Công ty vấn đề về thuế và kế toán hiệu quả và thiết thực liên quan đến hoạt động kinh doanh để Quý Công ty có thể thực hiện được mục tiêu kinh doanh lâu dài của mình.

Kính thưa Quý vị,

Với phương châm "Thành công của khách hàng là thành công của chúng tôi", chúng tôi tin tưởng sẽ phục vụ Quý Công ty bằng dịch vụ tốt nhất.

Nếu Quý Công ty đồng ý bản chào giá này, vui lòng ký xác nhận và gửi fax lại cho chúng tôi. Sau khi nhận được phản hồi chấp thuận của Quý Công ty, chúng tôi sẽ lập hợp đồng cho việc ký chính thức.

Trường hợp Quý Công ty cần trao đổi về bản chào giá này, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo liên hệ sau: Ông Phan Ngọc Dũng - SĐT: 038 944 5428, Email: Phanngocdung@pkf.afcvietnam.vn.

Trân trọng,



VŨ GIANG NAM
Phó Giám đốc



Số: 03.04/2024/BG/KTTC/IAV
V/v: Báo giá phí dịch vụ kiểm toán BCTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

THƯ BÁO GIÁ PHÍ DỊCH VỤ

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế (IAV) xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Quý Đơn vị tới hoạt động Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty chúng tôi.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Kiểm toán, Thẩm định giá trị tài sản, Kế toán, Tư vấn thuế và Tư vấn tài chính. Với đội ngũ Kiểm toán viên, Thẩm định viên, Kỹ thuật viên chuyên nghiệp, có nhiều năm kinh nghiệm trong quá trình thực hiện các dịch vụ trên, chúng tôi đã thực hiện và hoàn thành nhiều dịch vụ về Tư vấn thuế, Tư vấn tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Thẩm định giá trị tài sản và các hoạt động chuyên ngành liên quan cho nhiều tổ chức và đơn vị hoạt động trên khắp cả nước.

Năm 2024, IAV là một trong 28 đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024 theo Quyết định số 1108/QĐ-UBCK ngày 24/11/2023.

Chúng tôi được biết Quý Đơn vị đang tiến hành lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ “**Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 và Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**”. Với kinh nghiệm và năng lực của mình, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế xin đề xuất mức phí thực hiện công việc Kiểm toán báo cáo tài chính như sau:

Phí dịch vụ Soát xét và Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024: 70.000.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng chẵn./.

Phí dịch vụ trên **chưa** bao gồm thuế GTGT.

Chúng tôi tin tưởng sẽ đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của Quý Đơn vị. Đồng thời với mức phí dịch vụ hợp lý, luôn đáp ứng tốt các yêu cầu về thời gian và chất lượng công việc, chúng tôi hy vọng Quý Đơn vị sẽ lựa chọn chúng tôi làm Đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính trong hiện tại và tương lai.

Nếu Quý Đơn vị có bất kỳ câu hỏi gì liên quan đến các thông tin nêu ra trong bản đề xuất này xin vui lòng liên hệ Chúng tôi. Số điện thoại: 0915 525 979 (Ms. Thúy - Phó Giám đốc)

Chúng tôi mong nhận được sự hợp tác và giúp đỡ của Quý Đơn vị.

Trân trọng!

Nơi nhận:

Như trên
Lưu HC KT

**TM. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phương Thúy